

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **207/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05-5-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Đào Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Ông Trương Hoàng Hoa;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Kim A – sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh Trần Xuân B – sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Đinh Thị Kim A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh B cưới nhau vào tháng 3 năm 2019, do tự nguyện và có tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, kết hôn hơn 01 năm mà anh B không đồng ý

đăng ký kết hôn, anh B thường xuyên vắng nhà và tài chính không rõ ràng dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh B nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại tờ tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Xuân B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Kim A, anh và chị Kim A cưới nhau nhưng không đăng ký kết hôn, anh không có ý kiến và trình bày gì khác.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Kim A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh B thống nhất giữa anh và chị Kim A cưới nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Đinh Thị Kim A yêu cầu được ly hôn với anh Trần Xuân B. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Kim A đối với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy chị Kim A và anh B tự nguyện cưới nhau vào tháng 3/2019, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó hôn nhân giữa chị Kim A và anh B không hợp pháp. Hội đồng xét xử xác định căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Kim A và anh Trần Xuân B.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Kim A và anh B thống nhất không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Kim A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

#### **Tuyên xử:**

**1/** Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Kim A và anh Trần Xuân B.

**2/** Án phí: Chị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0004797 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên chị Kim A đã thi hành xong.

**3/** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã N, huyện Y, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Mai Thị Đào Oanh**